

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 10- 2019

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương huyền

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Hoài và bà Phan Thị Minh
Tuyệt

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Linh Giang - Thư ký Toà án nhân dân
tỉnh Hà Tĩnh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:* Bà
Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà
Tĩnh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý
số: 46/2019/TLST - HNGĐ, ngày 14/8/2019. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số 21/2019/QĐXXST - HNGĐ, ngày 20/9/2019 và Thông báo về việc mở
lại phiên toà số 09/2019/TB-TA ngày 14/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Lê Thị L**, sinh năm 1977; Địa chỉ: Xóm T, xã T, thành
phố H (Có mặt)

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1979; Xóm T, xã T, thành phố H
Hiện đang lao động tại Pháp (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ vụ án, chị Lê Thị L trình
bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn vào
ngày 07/7/2004 có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố H. Hôn
nhân giữa hai người là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng
về sống chung cùng bố mẹ chồng tại xã T, cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận,
hạnh phúc với nhau được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn và theo thời gian
ngày càng gay gắt. Nguyên nhân do tính tình không hợp, quan điểm sống giữa
hai người khác nhau, vợ chồng thường xuyên có lời nói xúc phạm lẫn nhau.
Tháng 3/2019, anh Đức đi lao động xuất khẩu ở Pháp và cũng từ đó đến nay vợ
chồng không còn liên lạc và chị L không biết địa chỉ cụ thể của anh Đ. Nay chị

nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Quá trình sống chung, vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức N, sinh ngày 02/7/2005 và Nguyễn Thị Hà P, sinh ngày 13/8/2007. Hiện cả hai cháu đang sống cùng với chị L tại xã T, thành phố H. Nguyên vọng của chị Lê Thị L là được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu anh Đ đóng góp nuôi cháu Nguyễn Thị Hà P mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị L. Xử cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ; về con chung: giao cháu Nguyễn Đức Ng và Nguyễn Thị Hà P cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ có trách nhiệm đóng góp nuôi cháu P mỗi tháng 2.000.000đồng; về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Nguyễn Văn Đ hiện đang lao động tại Pháp, không có địa chỉ cụ thể. Tại công văn số 14007/QLXNC-P5, ngày 28/8/2019 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an, xác nhận thông tin: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 15/6/1979 khai địa chỉ ở xóm T, xã T, TP H đã xuất nhập cảnh 03 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 21/3/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tòa án đã tiến hành xác minh qua người thân của anh Đ là ông Nguyễn Văn K (là bố đẻ anh Đ). Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/9/2019, ông Khương cho biết: Anh Nguyễn Văn Đ hiện nay đang lao động tại Pháp có liên lạc với gia đình qua điện thoại, biết việc chị Lê Thị L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh Nguyễn Văn Đ thông tin cho gia đình biết vợ chồng anh có trục trặc, mâu thuẫn, nhưng hiện nay anh Đức làm ăn ở xa nên tình cảm vợ chồng khó hàn gắn được và anh đồng ý ly hôn với chị L. Tuy nhiên, anh Đ không nói địa chỉ cụ thể của anh tại Pháp nên ông K cũng không thể cung cấp được địa chỉ của anh Đ cho Tòa án. Ngoài ra, ông K cũng có đề nghị tòa án giao các văn bản tố tụng của Tòa án thông qua gia đình ông và ông cam đoan sẽ gửi và thông tin đầy đủ cho anh Đ biết.

Căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Đ theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn Đ đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn ngày 07/7/2004 tại UBND phường T, thành phố H. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không tìm thấy tiếng nói chung, do tính tình, quan điểm sống không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên có lời nói xúc phạm và không còn quan tâm đến nhau. Hiện nay anh Đ đi lao động ở Pháp và đến nay vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Theo chị L thì mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không còn yêu thương nhau. Hiện tại, cả hai không liên lạc với nhau, chị L yêu cầu ly hôn và anh Đ cũng nhất trí ly hôn.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...nhưng hôn nhân giữa chị L và anh Đ không đạt được mục đích đó, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không thương yêu, quan tâm, giúp đỡ nhau. Theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì *“Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn”*. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị L. Xử cho Lê Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp hơn.

[2.2] Quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức Ng, sinh ngày 02/7/2005 và Nguyễn Thị Hà P, sinh ngày 13/8/2007. Hiện cả hai cháu đang sống cùng với chị L tại xã T, thành phố H và chị L cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Xét thấy hiện nay anh Đ làm ăn ở xa, không có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng các con và các cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó cần chấp nhận yêu cầu giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và buộc anh Đ đóng góp nuôi cháu Nguyễn Thị Hà P mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chấp nhận ý kiến của chị Lê Thị L về việc chị L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình; các Điều 28, 37, 227, 273, 479, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị L. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Đức N, sinh ngày 02/7/2005 và Nguyễn Thị Hà P, sinh ngày 13/8/2007 cho chị Lê Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Hà Ph mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi (hoặc đến khi có sự thay đổi về quyền nuôi con). Anh Đ có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Buộc chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 001332 ngày 14/8/2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Nay chị L còn phải nộp 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND phường Tân G;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thương Huyền